

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 11 - 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Diễm M, sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Lê Diễm M trình bày:

Vào năm 2014, bà (Lê Diễm M) và ông Nguyễn Chí N chung sống với nhau

như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh C vào ngày 23/9/2014. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, sau một quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do ông Nguyễn Chí N thường xuyên đe dọa đến tính mạng của bà nên bản thân bà xét thấy không thể hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Hiện bà và ông Nguyễn Chí N không còn chung sống với nhau từ tết âm lịch năm 2018 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, tự hàn gắn. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Chí N. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Hoài L (giới tính nam) sinh ngày 23/11/2014. Hiện con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Nguyễn Chí N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Chí N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ.

Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh C xác định: Ông Nguyễn Chí N trước đây có đi đi về về tại địa phương, bà Lê Diễm M thì ít khi về R sinh sống. Việc bà Lê Diễm M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí N thì Ủy ban nhân dân xã không xác định được tình trạng mâu thuẫn do các đương sự không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã hòa giải.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Lê Diễm M ly hôn với ông Nguyễn Chí N. Về con chung giao cho bà Lê Diễm M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Chí N không phải cấp dưỡng nuôi con. Buộc bà Lê Diễm M chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Diễm M yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Chí N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Chí N vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Lê Diễm M và ông Nguyễn Chí N chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh C chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/2014. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Lê Diễm M và

ông Nguyễn Chí N được công nhận là hôn nhân hợp pháp, bà Lê Diễm M và ông Nguyễn Chí N được công nhận là vợ chồng. Về mâu thuẫn, bà Lê Diễm M cho rằng do ông Nguyễn Chí N thường xuyên đe dọa đến tính mạng của bà. Bà và ông Nguyễn Chí N không còn chung sống với nhau từ Tết âm lịch năm 2018 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, tự hàn gắn. Bà Lê Diễm M xác định hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí N. Ông Nguyễn Chí N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét cho thấy ông Nguyễn Chí N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do hôn nhân giữa bà Lê Diễm M và ông Nguyễn Chí N đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Bà Lê Diễm M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí N là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Lê Diễm M xác định giữa bà và ông Nguyễn Chí N có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Hoài L (giới tính nam) sinh ngày 23/11/2014, hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Nguyễn Chí N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện tại con chung đang do bà Lê Diễm M nuôi dưỡng nên việc tiếp tục giao con chung cho bà Lê Diễm M nuôi là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Diễm M về việc không yêu cầu ông Nguyễn Chí N cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Diễm M xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Lê Diễm M phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Diễm M ly hôn với ông Nguyễn Chí N.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Diễm M chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Nguyễn Hoài L (giới tính nam) sinh ngày 23/11/2014 cho đến khi Nguyễn Hoài L

đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Nguyễn Chí N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Diễm M về việc không yêu cầu ông Nguyễn Chí N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Diễm M xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Diễm M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Lê Diễm M đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019416, ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã R, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước